**Phụ lục 2**

**Phương án cắt giảm, đơn giản hóa chế độ báo cáo [[1]](#footnote-1)**

| **STT** | **Lĩnh vực/Tên chế độ báo cáo** | **Quy định về chế độ báo cáo** | **Căn cứ pháp lý** | **Phương án** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lĩnh vực đường bộ**  *(Đơn giản hóa 6 báo cáo)* | | | |
| 1 | Báo cáo doanh thu sử dụng đường bộ và lưu lượng phương tiện | Báo cáo định kỳ | Điểm a khoản 1 Điều 10 Thông tư 49/2016/TT-BGTVT | *Thực hiện đơn giản hóa theo Quyết định số 846/QĐ-BGTVT năm 2018 về đơn giản hóa chế độ báo cáo trong lĩnh vực GTVT và sửa đổi, bổ sung để phù hợp với NĐ 09/2019/NĐ-CP (trong Quý IV/2020)* |
| 2 | Báo cáo việc quản lý, sử dụng tài sản | Báo cáo định kỳ | Điểm b khoản 1 Điều 10 Thông tư 49/2016/TT-BGTVT |
| 3 | Báo cáo tổng hợp những trường hợp không cho xe vận chuyển và tình hình an toàn giao thông tại bến xe | Báo cáo định kỳ | Điểm i khoản 1 Điều 10 Thông tư 10/2015/TT-BGTVT |
| 4 | Báo cáo tình hình hoạt động vận tải Việt - Lào | Báo cáo định kỳ | Điều 20 Thông tư 88/2014/TT-BGTVT |
| 5 | Báo cáo tình hình hoạt động vận tải | Báo cáo định kỳ | Khoản 1 Điều 65 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT |
| 6 | Báo cáo tình hình hoạt động vận tải đường bộ Việt - Trung | Báo cáo định kỳ | Khoản 1 Điều 20 Thông tư 23/2012/TT-BGTVT |
| **II** | **Lĩnh vực đường thủy nội địa**  *(Đơn giản hóa 2 báo cáo)* | | | |
| 1 | Báo cáo kết quả đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện và công tác cấp, cấp lại, chuyển đổi chứng chỉ chuyên môn | Báo cáo định kỳ | Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT (thay bằng khoản 1 Điều 27 Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT) | Thực hiện sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định NĐ 09/2019/NĐ-CP (Quý IV/2020). |
| 2 | Báo cáo số lượt hành khách vận chuyển, luân chuyển | Báo cáo định kỳ | Khoản 7 Điều 4 Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT |
| **III.** | **Lĩnh vực hàng hải**  *(Đơn giản hóa 2 báo cáo)* | | | |
| 1 | Báo cáo kết quả đào tạo và chứng nhận đối với nhân viên đại lý tàu biển hải Việt Nam | Báo cáo định kỳ | Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 13/2017/TT-BGTVT | Thực hiện sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định NĐ 09/2019/NĐ-CP (Quý IV/2020). |
| 2 | Báo cáo tình hình quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền tại cảng biển. | Báo cáo định kỳ | Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT |
| **IV** | **Lĩnh vực đường sắt**  *(Đơn giản hóa 7 báo cáo)* | | | |
| 1 | Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường sắt | Báo cáo định kỳ | Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 16/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| 2 | Báo cáo công tác xây dựng, công bố, điều chỉnh biểu đồ chạy tàu và kết quả thực hiện trong năm; Kế hoạch, biện pháp thực hiện trong năm tới; Các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này và các kiến nghị bổ sung, sửa đổi. | Báo cáo định kỳ | Khoản 4 Điều 23 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| 3 | Báo cáo công tác xây dựng, công bố, điều chỉnh biểu đồ chạy tàu trên đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia và kết quả thực hiện trong năm; Kế hoạch, biện pháp thực hiện trong năm tới; Các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này và các kiến nghị bổ sung, sửa đổi. | Báo cáo định kỳ | Khoản 4 Điều 24 Thông tư số 24/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| 4 | Báo cáo tình hình sử dụng, khai thác các phương tiện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký; | Báo cáo định kỳ | Điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư 21/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| 5 | Báo cáo tình hình biến động của phương tiện đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký. | Báo cáo định kỳ | Điểm b khoản 1 Điều 13 Thông tư 21/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| 6 | Báo cáo dự kiến điều chỉnh kế hoạch năm về phòng, chống, khắc phục hậu quả lụt, bão; ứng phó sự cố, thiên tai và cứu nạn đường sắt *(ngoài danh mục báo cáo tại Văn bản số 7218/BGTVT-PC)* | Báo cáo định kỳ | Thông tư số 01/2010/TT-BGTVT và Thông tư số 28/2017/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |
| ***7*** | Báo cáo tình hình sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu *(ngoài danh mục báo cáo tại Văn bản số 7218/BGTVT-PC)* | Báo cáo định kỳ | Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT | Đang thực hiện sửa đổi, bổ sung để đáp ứng NĐ 09/2019/NĐ-CP |

1. Các báo cáo định kỳ doanh nghiệp báo cáo cơ quan quản lý nhà nước [↑](#footnote-ref-1)